TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 122/2024/QĐST-HNGĐ	*Càng Long, ngày 26 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 475/2023/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 12 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Hồng L, sinh năm 1980

Nơi cư trú: ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Ông Trương Quốc H, sinh năm 1982

Nơi cư trú: ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Trần Văn N, sinh năm 1948
2. Bà Trần Thị Hồng T, sinh năm 1973

Cùng trú: ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Hồng L và ông Trương Quốc H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Hồng L và ông Trương Quốc H tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về con chung: Bà Trần Thị Hồng L và ông Trương Quốc H xác nhận ông, bà không có con chung.

Về tài sản: Bà Trần Thị Hồng L và ông Trương Quốc H không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản nên không xem xét.

Về nợ: Bà Trần Thị Hồng L và ông Trương Quốc H xác nhận, quá trình chung sống, bà L và ông H hiện còn nợ ông Trần Văn N số tiền 47.000.000 đồng và 05 chỉ vằng 24kra. Khi ly hôn, bà L và ông H tự nguyện thoả thuận chia đôi nghĩa vụ trả nợ như sau:

- Bà L chịu trách nhiệm trả cho ông N 02 chỉ 05 phân vàng 24 kra (loại vàng 99%) và số tiền 23.500.000 đồng.

- Ông H chịu trách nhiệm trả cho ông N 02 chỉ 05 phân vàng 24 kra (loại vàng 99%) và số tiền 23.500.000 đồng.

- Tuy nhiên, ông Trần Văn N có văn bản không khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết khoản nợ ông H, bà L nợ trong vụ án hôn nhân giữa bà L, ông H. Do đó Toà án không xem xét giải quyết.

- Đối với khoản nợ 39.000.000 đồng: bà T, bà L và ông H xác nhận khoản nợ này do bà L mượn của bà T, ông H không biết và cũng không có liên quan gì khoản nợ này. Nay bà L xác nhận bà chịu trách nhiệm trả cho bà T khoản nợ 39.000.000 đồng. Bà T có văn bản không khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết khoản nợ 39.000.000 đồng bà L còn nợ nên Toà án không xem xét giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Hồng L tự nguyện chịu 150.000 đồng (*Một trăm, năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được cấn trừ vào 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001351, ngày 29/12/2023 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu; hoàn trả lại cho bà L 150.000 đồng (*Một trăm, năm mươi nghìn đồng*) tiền chênh lệch.

Ông Trương Quốc H không phải chịu án phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Càng Long;
- Chi cục THADS huyện Càng Long;
- UBND xã Huyền Hội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Trang